TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tám

Ông Nguyễn Văn Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã An Thạnh B, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Anh **Lưu Văn Th**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã An Thạnh B, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Lưu Văn Th kết hôn vào ngày 29/01/2004, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã An Thạnh B, huyện CLD cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu, chị và anh Th chung sống hạnh phúc, đến tháng 3/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và kể từ tháng 01/2018 chị và anh Th sống ly thân cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Th có 03 người con chung tên: Lưu Hải B, sinh ngày 21/8/2004, Lưu Thị Kim H, sinh ngày 03/11/2009 và Lưu Thị Diệu H, sinh ngày 26/02/2014. Hiện nay Hải B, Kim H, Diệu H đang sống chung với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi con chung là các cháu: Hải B, Kim H và Diệu H cho đến khi thành niên mà không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung: Không có, nên chị không yêu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Th đã tự thỏa thuận xong nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28 tháng 02 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lưu Văn Th trình bày:

Về mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thu T. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn với chị T vì anh còn thương vợ; Về con chung: Nếu ly hôn anh yêu cầu nuôi các con chung là cháu: Lưu Hải B, sinh ngày 21/8/2004, Lưu Thị Kim H, sinh ngày 03/11/2009 và Lưu Thị Diệu H, sinh ngày 26/02/2014 cho đến khi thành niên mà anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không có, nên anh không yêu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Anh và chị T đã tự thỏa thuận xong, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với bị đơn tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa cho thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu T với anh Lưu Văn Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, các bên đương sự hiện

không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau, chị T và anh Th đã sống ly thân với nhau từ tháng 01/2018 cho đến nay. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị T được ly hôn với anh Th. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu: Lưu Hải B, sinh ngày 21/8/2004, Lưu Thị Kim H, sinh ngày 03/11/2009 và Lưu Thị Diệu H, sinh ngày 26/02/2014 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày là không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Lưu Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, các đương sự có địa chỉ tại ấp N, xã An Thạnh B, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện CLD thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng với quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét đơn yêu cầu về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Lưu Văn Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Về quan hệ hôn nhân của chị T và anh Th không vi phạm các điều kiện kết hôn và sau khi sống chung hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Thạnh B, huyện CLD, tỉnh Sóc Trăng nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, chị T và anh Th phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 01/2018, chị T và anh Th đã sống ly thân cho đến nay. Kể từ khi ly thân cho đến nay, chị T và anh Th không có gặp nhau để bàn bạc hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Th là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Th. Đối với anh Th, trong quá trình

giải quyết vụ án, anh Th không đồng ý ly hôn nhưng anh không tìm giải pháp hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên yêu cầu của anh không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị T và anh Th có 03 người con chung. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là các cháu: Lưu Hải B, sinh ngày 21/8/2004, Lưu Thị Kim H, sinh ngày 03/11/2009 và Lưu Thị Diệu H, sinh ngày 26/02/2014 cho đến khi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi chị T và anh Th sống ly thân cho đến nay thì chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, cháu Kim H và cháu Diệu H, cuộc sống cháu B, cháu Kim H và cháu Diệu H đã ổn định, hiện nay chị T có nguồn thu nhập ổn định, đảm bảo được lợi ích cho các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu B, cháu Kim H và cháu Diệu H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên là có cơ sở, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu B và cháu Kim H. Việc cấp dưỡng nuôi các con, chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho anh Th, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày là không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Lời đề nghị của Vị Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Lưu Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Hải B, sinh ngày 21/8/2004, Lưu Thị Kim H, sinh ngày 03/11/2009 và Lưu Thị Diệu H, sinh ngày 26/02/2014 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

cho anh Th, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Th không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006037 ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CLD. Như vậy, chị T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh Th không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND huyện CLD;
- Chi cục THADS huyện CLD;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- UBND xã An Thạnh B, H.CLD;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Văn Đua